

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 34/2025/HN-ST

Ngày: 19/02/2025

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Phan Văn Duy**

+ Ông **Đặng Bình Thủy**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 219/2024/TLST-HN ngày 01/10/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm xxxx (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh T.

2. Bi đơn: **Đoàn Văn P**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Đoàn Văn M**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt);

Nguyễn Thị H, sinh năm xxxx (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:** Chị và anh P kết hôn với nhau vào năm 2020 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thành. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh P ăn chơi, nghiện ma túy, không lo làm ăn và không quan tâm vợ con. Chị và anh P không còn chung sống với nhau từ năm 2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị xin được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày xx/xx/xxxx và Đoàn Thụy Tâm N, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện cháu N đang sống với chị, còn cháu P hiện đang sống bên nhà anh P, tuy nhiên chị đến thăm và rước cháu P về chơi thì bên gia đình anh P không cho rước. Khi ly hôn, chị yêu cầu được hai nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

*** Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/11/2024 bị đơn anh Đoàn Văn P trình bày:** Anh và chị T cưới nhau vào năm 2020 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh ăn chơi, không lo cho vợ con. Anh và chị T ly thân nhau từ tháng 2 năm 2024 đến nay. Nay chị T xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày xx/xx/xxxx và Đoàn Thụy Tâm N, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện cháu N đang sống với chị T, còn cháu P hiện đang sống với ông bà nội. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh P yêu cầu được nuôi cháu P và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

*** Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/12/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:** Bà là mẹ ruột của Đoàn Văn P. Chị T và Phụng ly hôn thì bà không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu nuôi con của chị T thì bà có ý kiến là cháu N đang sống ổn định với chị T thì chị T tiếp tục nuôi, còn cháu P đang sống với bà thì bà yêu cầu được nuôi cháu P vì hiện anh P đang đi cai nghiện nên bà phải thay anh P chăm sóc cháu P.

* Tại đơn xin vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn M thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị H là không giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng.

* Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P. Về con chung, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đoàn Thụy Tâm N, sinh ngày xx/xx/xxxx và giao cháu Đoàn Minh P, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T yêu cầu ly hôn với Phụng; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Đoàn Thụy Tâm N, sinh ngày xx/xx/xxxx, giao con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T và anh P tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành. Nay chị T xin ly hôn với anh P nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “Xin ly hôn”. Bị đơn anh Đoàn Văn P trú tại địa chỉ: ấp Giồng Lanh 2, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đoàn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Đoàn Văn M có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T yêu cầu xin ly hôn với anh P do quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P ăn chơi, nghiện ma túy, không lo làm ăn và không quan tâm vợ con. Chị T và anh P không sống chung với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay, trong thời gian này chị T và anh P đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Anh P đồng ý ly hôn với chị T, chứng tỏ anh P cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày xx/xx/xxxx và Đoàn Thụy Tâm N, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện cháu N đang sống với chị, còn cháu P hiện đang sống bên nhà anh P. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Đoàn Thụy Tâm N, sinh ngày xx/xx/xxxx, giao con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu N là bé gái, hiện đang sống ổn định với chị T và hiện cháu dưới 36 tháng tuổi. Anh P cũng đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng. Đối với cháu P chị T đồng ý giao cháu P cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy cháu P đang sống ổn định với anh P và anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu P cho anh P nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh P không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị T, anh P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đoàn Văn P.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Thụy Tâm N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được. Giao con chung tên Đoàn Minh P, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Đoàn Văn P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được.

Chị T và anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh P có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013607 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Thành;
- Đương sự;
- Lầu hoà sô, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên